

Số /QĐ-CT

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính Dịch vụ công
trực tuyến mức độ 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 53 danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (*cấp tỉnh 47 TTHC, cấp huyện 06 TTHC*) thực hiện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Chuyển 01 thủ tục hành chính từ thẩm quyền cấp tỉnh sang thẩm quyền cấp huyện thực hiện: Số thứ tự 13 Phần A, mục VI lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo đã công bố tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1346/QĐ-CT ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh (*Có phụ lục kèm theo*).

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, chuẩn hóa, tạo dịch vụ phần mềm, tích hợp, đồng bộ dữ liệu trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia đối với các

danh mục thủ tục hành chính mức độ 4 nêu trên và đơn đốc các cấp, các ngành ngành triển khai thực hiện, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Các cấp, các ngành có thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có trách nhiệm tuyên truyền, triển khai thực hiện ở cấp, ngành mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ thủ tục hành chính: Số thứ tự 11, 34, Điều 1 lĩnh vực Tư pháp và số thứ tự 13, 22 mục V lĩnh vực Tư pháp (cấp tỉnh) đã công bố tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1346/QĐ-CT ngày 28/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; Số thứ tự: 03, 04, 05, 06, 07 mục I (cấp tỉnh) lĩnh vực Xây dựng đã công bố tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2476/QĐ-CT ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin - GTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KS2. 
- (L- 36b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Chí Giang

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
MỨC ĐỘ 4 THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH PHÚC
(Kèm theo Quyết định số. 2342 QĐ-CT ngày 26 tháng 8 năm 2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	
		Mức độ 3	Mức độ 4
A	CẤP TỈNH		
I	Sở Tài chính		
1	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư		x
2	Quyết định thuê tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị		x
3	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công		x
4	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư		x
5	Quyết định thu hồi tài sản công		x
6	Quyết định điều chuyển tài sản công		x
7	Quyết định bán tài sản công		x
8	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ		x
9	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công		x
10	Quyết định thanh lý tài sản công		x
11	Quyết định tiêu hủy tài sản công		x
12	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại		x
13	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công		x
14	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê		x

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	
		Mức độ 3	Mức độ 4
15	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết		x
16	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc		x
17	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án		x
18	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản		x
19	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công		x
20	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội		x
21	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh		x
22	Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		x
II	Sở Xây dựng		
1	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài.		x
2	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước		x
3	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước		x
4	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước		x
5	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh		x
6	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh		x

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	
		Mức độ 3	Mức độ 4
7	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt		x
8	Lấy ý kiến của các sở: Xây dựng; Văn hoá, Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh		x
9	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP		x
10	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP		x
11	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP		x
12	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng		x
13	Gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng		x
14	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III		x
15	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)		x
16	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (do lỗi của cơ quan cấp)		x
17	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III		x
18	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III		x
19	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III		x
20	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (do mất, hư hỏng)		x
21	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (do lỗi của cơ quan cấp)		x
22	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C		x
23	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C		x

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	
		Mức độ 3	Mức độ 4
24	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài		x
25	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng		x
B	CẤP HUYỆN		
I	Xây dựng		
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình nhà ở riêng lẻ		x
2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình nhà ở riêng lẻ		x
3	Cấp giấy phép di dời đối với công trình nhà ở riêng lẻ.		x
4	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ		x
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ		x
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ		x

Tổng cộng: 53 danh mục TTHC